

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 01 /2025/HS-ST

Ngày : 16/7/2025

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Lược; Ông Trịnh Đình Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Lan - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Bà Lê Huyền Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6, tỉnh Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2025 /TLST-HS ngày 24 tháng 6 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01 /2025/QĐXXST-HS ngày 4 tháng 7 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: Vũ Văn T sinh ngày 09 tháng 5 năm 1992, tại: xã H, Thanh Hóa; căn cước công dân số 038092033787 do cục C1 về TTXH cấp ngày 02/ 6/2023; Nơi cư trú: Thôn Q, xã H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12 ; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam ; tôn giáo: Không; con ông Vũ Đại H sinh năm 1952 và bà Lê Thị C sinh năm 1955 ; có vợ là Nguyễn Thị L (đã ly hôn) , có 02 con con lớn sinh năm 2013 ; con nhỏ sinh năm 2015. Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 29/3/2017 Vũ Văn T bị bắt bị khởi tố điều tra, truy tố về hành vi “ Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Đến ngày 07/7/2017 Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hoá đưa vụ án ra xét xử và quyết định miễn trách nhiệm hình sự cho Vũ Văn T với lý do “ do chính sách hình sự mới , nhân đạo của Nhà nước chứ không phải do oan sai do cơ quan tiến hành tố tụng gây ra”. Thúc được trả tự do tại phiên tòa.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/4/2025 đến ngày 25/4/2025 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại phân trại tạm giam khu vực B. Bị cáo T có mặt.

-Người bị hại: Chị Ngô Thị T1 sinh năm 1988

Trú tại: Khu phố A, phường Q, tỉnh Thanh Hóa .

(Chị T1 có đơn xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Văn T, là đối tượng nghiện ma túy, đang trong diện cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng. Mặc dù có hộ khẩu thường trú tại: thôn Q, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa nhưng T thường xuyên vắng mặt tại địa phương trong thời gian dài, đi đâu, làm gì chính quyền địa phương không rõ.

Chiều ngày 21/4/2025, do cần tiền tiêu xài cá nhân nên Vũ Văn T nảy sinh ý định tìm nhà dân sơ hở để trộm cắp tài sản. Khoảng 15 giờ cùng ngày, T đi bộ một mình đến khu vực trước cổng nhà chị Ngô Thị T1, sinh năm 1988, ở khu A, phường N, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa. Quan sát thấy cửa nhà chị T1 đóng, xung quanh không có ai nên T trèo tường vào bên trong. Thấy cửa chính vào nhà là cửa gỗ, có thanh chốt ngang và khoá móc bằng kim loại có thể cạy, phá được nên T đi vào khu vực bên trong nhà hoang (đối diện với nhà chị T1) để tìm kiếm công cụ cạy, phá thì phát hiện 01 thanh sắt dài khoảng 1m (loại 10ly) đã bị hoen rỉ. T cầm thanh sắt quay lại phía cổng nhà chị T1, nhìn xung quanh không có ai nên vút thanh sắt qua cửa vào sân rồi trèo tường vào. Sau đó, T cầm thanh sắt đi lại khu vực cửa sổ, mở cánh cửa sổ nhìn vào bên trong thấy không có người trong nhà nhưng do cửa sổ làm bằng các thanh sắt không vào được nên T đi vòng lại cửa chính để cạy phá cửa. T dùng thanh sắt và 01 ống kim loại hình trụ tròn, rỗng ruột, dạng cán chổi dài 62cm (T lấy ở gần cửa sổ) để cạy phá làm bung khoá. Sau khi vào bên trong nhà, quan sát thấy phòng khách có camera nên T mở nắp cầu chì để ngắt nguồn điện. Sau khi ngắt điện và hệ thống camera, T bắt đầu lục lọi, tìm kiếm tài sản có giá trị để trộm cắp. Thước thấy ở khu vực đuôi giường, dưới đất có 01 chiếc túi da màu đen, bên trong có 01 Laptop vỏ nhựa màu đen hiệu Lenovo, thínhkpad, T lấy chiếc Laptop ra để ở phía nhà vệ sinh. Khi vào khu vực phòng bếp, T phát hiện trong ngăn kéo đầu tiên của tủ nhựa có 01 hộp gỗ nhỏ màu nâu, bên trong hộp có 01 nhãn vàng, mặt nhãn có hình hồ ly, đính đá màu trắng. T lấy chiếc nhãn bỏ vào túi quần bên trái đang mặc rồi tiếp tục ra phòng khách tìm kiếm. Tại đây, T nhìn thấy có 01 tủ gỗ đựng quần áo, mở tủ ra Thước phát hiện trong ngăn quần áo phía trên có 01 xấp tiền Việt Nam đồng, gồm nhiều tờ mệnh giá từ 50.000 đồng đến 500.000 đồng, tổng là 17.000.000 đồng. T lấy sấp tiền đút vào túi quần phía sau đang mặc, đi ra phía nhà vệ sinh cầm L1 rồi thoát ra ngoài bằng cửa bếp. Khi ra đến cổng, T đẩy chiếc Laptop ra ngoài qua khe cửa phía dưới rồi trèo tường ra ngoài. Sau khi ra ngoài, do lo sợ bị phát hiện nên T mang chiếc Laptop giấu ở khu vực nhà hoang đối diện với nhà chị T1. Còn nhãn và tiền T mang theo người rồi bắt xe taxi (không quen biết) ra Hà Nội chơi. Số tiền 17.000.000 đồng T đã tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 22/4/2025, biết hành vi của mình đã bị phát hiện và không thể trốn tránh được nên T đến Cơ quan Công an phường N để đầu thú và khai nhận toàn bộ

hành vi phạm tội của mình đồng thời giao nộp lại 01 chiếc nhẫn mà T đã trộm cắp và chỉ nơi cất giấu chiếc Laptop.

**Tài sản, đồ vật, tài liệu thu giữ, tạm giữ và xử lý:*

- 01 nhẫn tròn bằng kim loại màu vàng, mặt nhẫn hình hồ ly gắn đá màu trắng, bên trong lòng nhẫn có chữ, số “KN 10K 2.2”, đã qua sử dụng do Thúc giao nộp ;

- 01 Laptop nhãn hiệu Lenovo, thinkpad x1 carbon 20KGS3DT00 core 15 màu đen, đã qua sử dụng (thu tại khu nhà bỏ hoang theo lời khai của T);

Đối với 02 tài sản trên, sau khi thu giữ để tiến hành giám định và định giá cơ quan CSĐT đã trả lại cho chị T1, chị Thu N lại và không có ý kiến thắc mắc gì. Đối với số tiền 17.000.000 đồng T đã tiêu xài cá nhân hết, chị T1 yêu cầu T trả lại đầy đủ số tiền trên.

- 01 thanh sắt, uốn cong hình chữ U, kích thước (55x15)cm và 01 ống kim loại hình trụ tròn, rỗng ruột, dạng cán chổi, kích thước (62x3)cm, một đầu bị móp, méo. Thu giữ tại hiện trường là công cụ, phương tiện T dùng để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên chuyển Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bim Sơn chờ xử lý theo quy định .

Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T tiến hành trưng cầu giám định đối với chiếc nhẫn và yêu cầu định giá tài sản theo quy định

Ngày 14/5/2025, V Bộ C2 ban hành *Kết luận giám định số 3748/KL-KTHS, kết luận:*

01 chiếc nhẫn trong bằng kim loại màu vàng, mặt nhẫn hình hồ ly gắn đá màu trắng, bên trong lòng nhẫn có chữ, số “KN 10K 2.2” gửi giám định có khối lượng 1,89 gam (tính cả khối lượng đá). Phần kim loại màu vàng là vàng (Au) trang sức, hàm lượng trung bình của A: 41,53%; Ag: 5,56%.

Ngày 26/5/2025, Hội đồng định giá UBND thị xã B ban hành *Kết luận định giá tài sản số 369/KL-HĐĐG, kết luận: Giá trị (VNĐ) đối với các tài sản tại thời điểm định giá vào ngày 21/4/2025 như sau:*

- 01 (một) laptop nhãn hiệu Lenovo, thinkpad x1 carbon 20KGS3DT00 core 15 màu đen, máy đã qua sử dụng có giá trị 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng).

- 01 (một) nhẫn vàng tây 10k, mặt nhẫn hình hồ ly đính đá có giá trị 2.200.000 đồng (hai triệu hai trăm nghìn đồng).

Tổng giá trị tại thời điểm cần định giá của hai loại tài sản kể trên là 5.700.000 đồng (năm triệu bảy trăm nghìn đồng) .

Tại bản cáo trạng số 30/ CT-VKSBS ngày 23/ 6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bim Sơn đã truy tố Vũ Văn T về tội “ Trộm cắp tài sản ” theo khoản 1 điều 173 của BLHS.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 tỉnh Thanh hoá đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

a, Hình phạt chính: Đề nghị HĐXX tuyên phạt bị cáo Vũ Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS đề nghị tuyên phạt Vũ Văn T từ **15-18 tháng tù**. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 22/4/2025.

Hình phạt bổ sung: Bị cáo không có công việc và thu nhập ổn định nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5, Điều 173 BLHS.

b) Về bồi thường dân sự

Đối với số tiền 17.000.000 đồng, T đã tiêu xài cá nhân hết, chị T1 yêu cầu T trả lại đầy đủ số tiền trên. Căn cứ Điều 48 BLHS, 30 BLTTHS; Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự 2015, đề nghị HĐXX tuyên bị cáo T phải bồi thường cho bị hại số tiền 17.000.000đ.

c) Xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu thu giữ, tạm giữ:

- 01 nhẫn tròn bằng kim loại màu vàng, mặt nhẫn hình hồ ly gắn đá màu trắng, bên trong lòng nhẫn có chữ, số “KN 10K 2.2”, đã qua sử dụng do T giao nộp; 01 Laptop nhãn hiệu Lenovo, thinkpad x1 carbon 20KGS3DT00 core i5 màu đen, đã qua sử dụng. Quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của chị T1, Cơ quan CSĐT đã trả lại cho chị T1, chị Thu N lại và không có ý kiến thắc mắc gì nên đề nghị miễn xét.

- 01 thanh sắt, uốn cong hình chữ U, kích thước (55x15)cm và 01 ống kim loại hình trụ tròn, rỗng ruột, dạng cán chổi, kích thước (62x3)cm, một đầu bị móp, méo. Thu giữ tại hiện trường là công cụ, phương tiện T dùng để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, không có giá trị sử dụng nên áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47; điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS đề nghị tịch thu tiêu hủy.

d) Về án phí: Vũ Văn T phải chịu án HSST, án DSST theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh T; Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 6, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng truy tố. Căn cứ lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 15 giờ ngày 21/4/2025 tại nhà của chị Ngô Thị T1 khú phố C, phường Q, tỉnh Thanh Hóa, Vũ Văn T có hành vi lén lút trộm cắp 01 laptop nhãn hiệu Lenovo, thínhpak X1 Carbon 20 KGS3DT00 core 15 màu đen đã qua sử dụng có giá trị là: 3.500.000đ ; 01 nhẫn vàng tây 10K mặt nhẫn hình hồ ly đính đá có giá trị 2.200.000đ và 17.000.000đ (Tiền Việt Nam đồng). Tổng giá trị tài sản mà T trộm cắp là: 22.700.000đ. Đến nay, một chiếc máy tính và 01 chiếc nhẫn đã trả lại cho chị T1 còn số tiền 17.000.000đ Thước đã tiêu sài cá nhân hết chưa bồi thường. Vì vậy, hành vi nêu trên của Vũ Văn T đã cấu thành tội: “ Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 BLHS.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm Hình sự: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác. Vì vậy, cần phải xét xử bị cáo bằng một mức án nghiêm minh nhằm răn đe giáo dục đối với bị cáo và nhằm đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung trên địa bàn dân cư. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm Hình sự: Xét thấy, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thật thà, thành khẩn, sau khi phạm tội đã đến cơ quan công an đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và tự nguyện giao nộp tài sản đã trộm cắp được nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 và khoản 2 điều 51 BLHS. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

Xét về nhân thân: Bị cáo nhân thân xấu, là đối tượng nghiện chất ma túy. Tuy bản thân còn trẻ tuổi nhưng không chịu phấn đấu tu dưỡng mà lao vào con đường phạm tội. Cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một khoảng thời gian nhất định để bị cáo phấn đấu trở thành người công dân có ích cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[4] Về trách nhiệm Dân sự: Một số tài sản bị cáo trộm cắp như: 01 laptop màu đen, 01 nhẫn vàng tây 01K mặt nhẫn hình hồ ly đính đá đã được thu hồi trả lại cho người bị hại nên không xét. Đối với số tiền 17.000.000đ tiền mặt bị cáo đã tiêu sài nên căn cứ điều 584, 585, 589 Bộ Luật Dân sự buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho người bị hại số tiền trên.

[5] Về xử lý vật chứng: 01 thanh sắt uốn cong hình chữ U, kích thước (5,5 x 15) cm và 01 ống kim loại hình trụ tròn rỗng ruột, dạng cán chổi kích thước (62 x 3) cm. Đây là công cụ phương tiện phạm tội, là những vật không có giá trị sử dụng nên căn cứ điểm a khoản 1 điều 47 BLHS; điểm c khoản 2 điều 106 BLTTHS tịch thu tiêu hủy tang vật trên.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS; khoản 1, khoản 3 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, buộc bị cáo [Vũ Văn T](#) phải nộp án phí HSST là: 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) và án phí DSST có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Tuyên bố: Bị cáo [Vũ Văn T](#) đã phạm tội: “ Trộm cắp tài sản”

Áp dụng: Khoản 1 điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 điều 51 ; điều 38 BLHS.

Xử phạt: Bị cáo [Vũ Văn T](#) 15 (mười lăm) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày (22/4/2025).

Về trách nhiệm Dân sự: Căn cứ khoản 1 điều 48 BLHS; điều 584;585,589 Bộ Luật Dân sự buộc bị cáo [Vũ Văn T](#) phải bồi thường cho người bị hại chị [Ngô Thị T1](#) số tiền là: 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, chị [Ngô Thị T1](#) có đơn đề nghị thi hành án nếu bị cáo không trả (hoặc trả không đầy đủ) cho chị [Ngô Thị T1](#), thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm trả tương đương với thời gian chậm trả của khoản tiền còn phải thi hành án. Mức lãi suất bằng $\frac{1}{2}$ mức lãi suất quy định tại khoản 1 điều 468 BLHS.

Về xử lý vật chứng: căn cứ điểm c khoản 2 điều 106 BLTTHS tịch thu tiêu hủy các tang vật sau đây: 01 thanh sắt uốn cong hình chữ U, kích thước (5,5 x 15) com và 01 ống kim loại hình trụ tròn rỗng ruột, dạng cán chổi kích thước (62 x 3) cm (*Tang vật được bàn giao cho phòng thi hành án dân sự khu vực 6 Thanh Hoá theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/7/2025*).

II. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, buộc bị cáo [Vũ Văn T](#) phải nộp án phí HSST là: 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) và án phí DSST là: 850.000đ (tám trăm năm mươi ngàn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16 / 7 /2025). Người bị hại chị [Ngô Thị T1](#) vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND KV 6;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- CQĐT CA tỉnh Thanh Hoá;
- Cơ quan Thi hành án hình sự;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án Dân sự tỉnh Thanh Hoá.
- Phân trại tạm giam khu vực Bim Sơn.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Thị Hương